

Số: 3512 /QĐ-DHSP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên
là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-CP ngày 19/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 66/2013/QĐ-CP ngày 19/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 1, năm học 2025 - 2026 cho 31 sinh viên.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên được hưởng mức hỗ trợ theo quy định của chế độ hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên, Thanh tra Đào tạo, Giám đốc Phân hiệu Long An, Gia Lai, khoa đào tạo có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, CTCT&HSSV.My

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Sinh viên là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ chi phí học tập
học kỳ 1, năm học 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 3512/QĐ-DHSP, ngày 03/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	MSSV	Họ	Tên	Năm sinh	Ngành học	Mức hỗ trợ			Ghi chú
						60% (2.340.000)	Số tháng	Thành tiền	
1	48.01.754.095	Hoàng Thị Thuý	Ngân	26/02/2004	Ngôn ngữ Trung Quốc	1,404,000	5	7,020,000	-
2	48.01.617.088	Nguyễn Thị	Xuyến	08/04/2004	Giáo dục học	1,404,000	5	7,020,000	-
3	48.01.901.136	Thông Thị Diệu	Ngân	06/07/2004	Giáo dục Tiểu học	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
4	49.01.611.095	Từ Thị Linh	Tri	26/05/2005	Tâm lý học	1,404,000	5	7,020,000	-
5	49.01.754.047	Hoàng Thị	Hồng	11/09/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	1,404,000	5	7,020,000	-
6	49.01.612.026		Ham	02/03/2005	Tâm lý học	1,404,000	5	7,020,000	-
7	49.01.616.046	Rơ Mah H'	Huê	21/12/2005	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
8	50.01.701.090	Hắc Hồng	Phong	21/5/2005	Sư phạm Tiếng Anh	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
9	50.01.901.063	Hồ Thị	Hiền	21/01/2005	Giáo dục Tiểu học	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
10	50.01.901.176	Hồ Thị	Sanh	15/05/2005	Giáo dục Tiểu học	1,404,000	5	7,020,000	NCXH

✓

11	50.01.901.204	Hồ Thị	Thuyết	15/01/2005	Giáo dục Tiểu học		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
12	50.01.901.069	Thò Y	Hoa	18/08/2006	Giáo dục Tiểu học		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
13	50.01.902.149	Kiên Thị Phương	Thuận	10/02/2006	Giáo dục Mầm non		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
14	50.01.754.116	Hoàng Thị Yến	Nhi	11/01/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc		1,404,000	5	7,020,000	-
15	50.10.902.054	Thạch Thị Thảo	Trâm	17/12/2005	Giáo dục Mầm non		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
16	50.01.606.096	Thạch Thị Thảo	Trang	10/05/2004	Văn học		1,404,000	5	7,020,000	-
17	50.01.616.106	Qua Xiêm	Sanh	19/5/2006	Sư phạm Lịch sử - Địa lý		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
18	50.01.101.088	Hân Thị Hồng	Vy	16/03/2005	Sư phạm Toán học		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
19	50.01.611.027	Triệu Thị	Hằng	02/12/2006	Tâm lý học		1,404,000	5	7,020,000	-
20	50.01.611.031	Hà Thu	Hoài	26/08/2006	Tâm lý học		1,404,000	5	7,020,000	-
21	51.01.904.006	Cao Thị Ngọc	Ánh	20/10/2007	Giáo dục Đặc biệt		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
22	50.01.618.018	Tô Gia	Như	24/09/2006	Giáo dục công dân		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
23	51.01.612.019	Vân Thị Sa	Hà	24/11/2007	Công tác xã hội		1,404,000	5	7,020,000	-
24	51.01.401.216	Bùi Thị Bích	Ngọc	22/05/2007	SP Khoa học Tự nhiên		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
25	51.01.101.132	Lý Y	Trang	12/1/2006	Sư phạm Toán học		1,404,000	5	7,020,000	NCXH
26	51.21.401.046	Siu H' Hoài	Thương	27/10/2007	SP Khoa học Tự nhiên		1,404,000	5	7,020,000	NCXH

A

27	51.21.902.021	Nay H'	Yuli	30/12/2007	Giáo dục Mầm non	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
28	51.21.902.016		Hoa	19/12/2005	Giáo dục Mầm non	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
29	51.21.902.015		Hnonh	10/8/2006	Giáo dục Mầm non	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
30	51.21.901.086	Hà Nguyễn	Nga	23/01/2006	Giáo dục Tiểu học	1,404,000	5	7,020,000	NCXH
31	51.21.902.035	Kpã H'	Pa	29/10/2006	Giáo dục Mầm non	1,404,000	5	7,020,000	NCXH

Danh sách có 31 sinh viên.

(Hai trăm mười bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

Tổng số tiền:

217,620,000

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

